

A. ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN

BÀI 1 : VIỆT NAM TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP

1) Bối cảnh quốc tế những năm cuối thế kỷ XX có ảnh hưởng như thế nào đến công cuộc đổi mới ở nước ta?

* Bối cảnh quốc tế những năm cuối thế kỷ XX có ảnh hưởng đến công cuộc đổi mới ở nước ta:

- Xu hướng tăng cường quan hệ, liên kết quốc tế mở rộng đã thúc đẩy quá trình hội nhập, đổi mới nhanh chóng và toàn diện nên KT-XH đất nước.

- Việc phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ cho phép nước ta học tập kinh nghiệm sản xuất, tranh thủ nguồn vốn và khoa học, công nghệ từ bên ngoài góp phần phát triển kinh tế.

- Bối cảnh quốc tế đặt nước ta vào thế bị cạnh tranh quyết liệt về kinh tế nên cần có những chính sách thích hợp nhằm phát triển ổn định bền vững về mặt KT-XH.

2) Tại sao nước ta đặt ra vấn đề đổi mới KT-XH?

- Sau khi đất nước thống nhất năm 1975, nền kinh tế nước ta chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh và lại đi lên từ một nền nông nghiệp lạc hậu.

- Bối cảnh trong nước và quốc tế cuối thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX diễn biến hết sức phức tạp.

- Nước ta nằm trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài. Lạm phát ở mức 3 con số, đời sống người dân khó khăn.

- Những đường lối và chính sách cũ không phù hợp với tình hình mới. Vì vậy, để thay đổi bộ mặt kinh tế cần phải đổi mới.

3) Công cuộc Đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn nào?

- Nước ta đã thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài. Lạm phát được đẩy lùi và kiềm chế ở mức một con số.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao. Tỷ lệ tăng trưởng GDP từ 0,2 % vào giai đoạn 1975 - 1980 đã tăng lên 6,0 % và năm 1988, tăng lên 8,4 % vào năm 2005.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cho tới đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, trong cơ cấu GDP, nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao nhất, công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng nhỏ. Từng bước tỷ trọng của khu vực nông - lâm - ngư nghiệp giảm, đến năm 2005 đạt chỉ còn 21,0 %. Tỷ trọng của công nghiệp và xây dựng tăng nhanh nhất, đến năm 2005 đạt xấp xỉ 41 %, vượt cả tỷ trọng của khu vực dịch vụ (38,0 %).

- Cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ cũng chuyển biến rõ nét. Một mặt hình thành các vùng kinh tế trọng điểm, phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn, các trung tâm công nghiệp và dịch vụ lớn. Mặt khác, những vùng sâu, vùng xa, vùng núi và biên giới, hải đảo cũng được ưu tiên phát triển.

- Nước ta đạt được những thành tựu to lớn trong xóa đói giảm nghèo, đời sống vật chất và tinh thần của đông đảo nhân dân được cải thiện rõ rệt.

4) Hãy nêu những sự kiện để chứng tỏ nước ta đang từng bước hội nhập nền kinh tế khu vực và thế giới.

- Từ đầu năm 1995, Việt Nam và Hoa Kỳ bình thường hóa quan hệ.
- Tháng 7-1995, Việt Nam là thành viên chính thức của ASEAN.
- Thực hiện các cam kết của AFTA (khu vực mậu dịch tự do ASEAN), tham gia Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (APEC), đẩy mạnh quan hệ song phương và đa phương.
- Năm 2007, Việt Nam chính thức là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

5) Nêu một số định hướng chính để đẩy mạnh công cuộc Đổi mới và hội nhập ở nước ta.

- Thực hiện chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo.
- Hoàn thiện và thực hiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường theo định hướng XHCN.
- Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển nền kinh tế tri thức.
- Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế để tăng tiềm lực kinh tế quốc gia.
- Có giải pháp hữu hiệu bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững.
- Đẩy mạnh phát triển giáo dục, y tế, văn hoá, chống lại các tệ nạn xã hội, mặt trái của kinh tế thị trường.

BÀI 2 : VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, PHẠM VI LÃNH THỔ

1) Vị trí địa lý nước ta mang đến những thuận lợi và khó khăn gì cho quá trình phát triển KT-XH ?

a) *Thuận lợi:*

- Thuận lợi giao lưu buôn bán, văn hóa với các nước trong khu vực và thế giới.
- Thu hút các nhà đầu tư nước ngoài.
- Nguồn khoáng sản phong phú là cơ sở quan trọng phát triển công nghiệp.
- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa thuận lợi cho sinh hoạt, sản xuất và sự sinh trưởng, phát triển các loại cây trồng, vật nuôi.
- Thuận lợi phát triển tổng hợp kinh tế biển.
- SV phong phú, đa dạng về số lượng và chủng loại.

b) *Khó khăn:*

- Thiên tai thường xảy ra: bão, lũ..., vấn đề an ninh quốc phòng hết sức nhạy cảm.

2) Nêu ý nghĩa của vị trí địa lý nước ta.

a) *Ý nghĩa về tự nhiên*

- Nằm hoàn toàn trong vành đai nhiệt đới và chịu ảnh hưởng của khu vực gió mùa châu Á làm cho thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. Giáp biển Đông nên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển, thiên nhiên bốn mùa xanh tốt.
- Nằm ở nơi gặp gỡ của nhiều luồng di cư động thực vật tạo nên sự đa dạng về động – thực vật.
- Nằm trên vành đai sinh khoáng châu Á-Thái Bình Dương nên có nhiều tài nguyên khoáng sản.
- Có sự phân hoá đa dạng về tự nhiên: phân hoá Bắc – Nam, miền núi và đồng bằng...

* *Khó khăn: bão, lũ lụt, hạn hán...*

b) *Ý nghĩa về kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng.*

- *Về kinh tế:*

- + Có nhiều thuận lợi để phát triển cả về giao thông hàng hải, hàng không, đường bộ với các nước trên thế giới. -> Tạo điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với các nước trên thế giới.

+ Vùng biển rộng lớn, giàu có, phát triển các ngành kinh tế (khai thác, nuôi trồng, đánh bắt hải sản, giao thông biển, du lịch...)

- Về văn hóa- xã hội: nằm ở nơi giao thoa các nền văn hóa nên có nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hóa. Đây cũng là thuận lợi cho nước ta chung sống hoà bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước láng giềng và các nước trong khu vực Đông Nam Á.

- Về chính trị quốc phòng: vị trí quân sự đặc biệt quan trọng của vùng Đông Nam Á. Biển Đông có ý nghĩa chiến lược trong công cuộc phát triển và bảo vệ đất nước.

* Khó khăn: vừa hợp tác vừa cạnh tranh quyết liệt trên thị trường thế giới.

3) Hãy cho biết vai trò của các đảo và quần đảo đối với quá trình phát triển kinh tế nước ta.

- Phát triển kinh tế đảo và quần đảo là một bộ phận quan trọng không thể tách rời trong chiến lược phát triển kinh tế nước ta.

- Các đảo và quần đảo là kho tàng về tài nguyên khoáng sản, thủy sản...

- Kinh tế đảo và quần đảo góp phần tạo nên sự phong phú về cơ cấu kinh tế nước ta, nhất là ngành du lịch biển.

- Các đảo và quần đảo là nơi trú ngụ an toàn của tàu bè đánh bắt ngoài khơi khi gặp thiên tai.

- Đặc biệt các đảo và quần đảo có ý nghĩa chiến lược trong bảo vệ an ninh quốc phòng. Các đảo và quần đảo là hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất nước, là hệ thống căn cứ để nước ta tiến ra biển và đại dương, khai thác có hiệu quả các nguồn lợi vùng biển.

4) Trình bày phạm vi lãnh thổ nước ta:

a-Vùng đất.

- Diện tích: gồm phần đất liền và hải đảo 331. 212 km²

- Đường biên giới dài 4600 km, giáp Trung Quốc (dài 1400 km), giáp Lào (dài 2100 km), giáp Campuchia (dài 1100 km)

- Đường bờ biển dài 3260 km, từ Móng Cái tới Hà Tiên, thuận lợi cho phát triển tổng hợp kinh tế biển.

- Có hơn 4000 đảo lớn nhỏ, và 2 quần đảo lớn Hoàng Sa và Trường sa.

Như vậy, nước ta vừa gần với lục địa Á-Âu, vừa giáp với Thái Bình Dương.

b-Vùng biển.

Gồm: nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa.

- Nội thủy: Vùng nước phía trong đường cơ sở giáp với đất liền, được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền.
- Lãnh hải: tiếp giáp vùng nội thủy rộng 12 hải lí, là vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển, ranh giới ngoài là đường biên giới quốc gia trên biển.
- Vùng tiếp giáp lãnh hải: rộng 12 hải lí, Nhà nước ta có quyền thực hiện các biện pháp để bảo vệ an ninh quốc phòng, kiểm soát thuế quan, các qui định về y tế, môi trường và nhập cư...
- Vùng đặc quyền kinh tế: Là vùng tiếp liền lãnh hải và hợp với lãnh hải thành một vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.
- Thềm lục địa: Là phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển tính từ đường cơ sở cho tới độ sâu 200m (có nơi đến 200 hải lí).

c-Vùng trời.

Là khoảng không gian, không giới hạn về độ cao, từ biên giới trên đất liền cho tới biên giới trên biển và không gian của các đảo.

===== o0o =====
ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TỰ NHIÊN VIỆT NAM (Tiết 1)

BÀI 6 + 7: ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI

1) Địa hình nước ta có những đặc điểm cơ bản nào ?

a) Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp

- Đồi núi chiếm 3/4 diện tích cả nước, đồng bằng chiếm 1/4 diện tích cả nước.
- Đồi núi thấp chiếm hơn 60%, nếu kể cả đồng bằng thì địa hình thấp dưới 1000m chiếm 85% diện tích, núi cao trên 2000m chiếm khoảng 1% diện tích cả nước.

b) Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng:

- Hướng nghiêng chung của địa hình nước ta là Tây Bắc - Đông Nam.
- Địa hình gồm 2 hướng chính:
 - + Hướng Tây Bắc-Đông Nam: dãy núi vùng Tây Bắc, Bắc Trường Sơn.
 - + Hướng vòng cung: các dãy núi vùng Đông Bắc, Nam Trường Sơn.
- Do ảnh hưởng của hoạt động Tân kiến tạo địa hình VN được nâng lên và trẻ lại. Các vận động nâng lên diễn ra không liên tục mà theo từng đợt (xen kẽ giữa những pha nâng lên là pha yên tĩnh), nên địa hình nước ta có tính phân bậc rõ rệt.

c) Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa: Biểu hiện là quá trình xâm thực mạnh mẽ ở vùng đồi núi và bồi tụ nhanh ở các ĐB hạ lưu những sông lớn..

d) Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người : ở TD, MN và đặc biệt là ở các ĐB.

2) Địa hình đồi núi có ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu, sinh vật và thổ nhưỡng nước ta ?

a) Khí hậu:

- Các dãy núi cao chính là ranh giới khí hậu giữa các vùng. Chẳng hạn như, dãy Bạch Mã là ranh giới giữa khí hậu giữa phía Bắc và phía Nam-ngăn gió mùa Đông Bắc từ Đà Nẵng vào; dãy Hoàng Liên Sơn là ranh giới giữa khí hậu giữa Tây Bắc và Đông Bắc; dãy Trường Sơn tạo nên gió Tây khô nóng ở Bắc Trung Bộ.
- Độ cao của địa hình tạo nên sự phân hóa khí hậu theo đai cao. Tại các vùng núi cao xuất hiện các vành đai khí hậu cận nhiệt đới và ôn đới.

b) Sinh vật và thổ nhưỡng:

- Ở vành đai chân núi diễn ra quá trình hình thành đất feralit và phát triển cảnh quan rừng nhiệt đới ẩm gió mùa. Trên các khối núi cao hình thành đai rừng cận nhiệt đới trên núi và đất feralit có mùn. Lên cao trên 2.400 m, là nơi phân bố của rừng ôn đới núi cao và đất mùn alit núi cao.
- Thảm thực vật và thổ nhưỡng cũng có sự khác nhau giữa các vùng miền: Bắc-Nam, Đông-Tây, đồng bằng lên miền núi.

3) Với địa hình đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích lãnh thổ, nước ta có những thuận lợi và khó khăn gì ?

a) Thuận lợi:

- Khoáng sản: Nhiều loại, như: đồng, chì, thiếc, sắt, crôm, bô xít, apatit, than đá, vật liệu xây dựng... Thuận lợi cho nhiều ngành công nghiệp phát triển.
- Thủy năng: sông dốc, nhiều nước, nhiều hồ chứa... Có tiềm năng thủy điện lớn.
- Rừng: chiếm phần lớn diện tích, trong rừng có nhiều gỗ quý, nhiều loại động thực vật, cây dược liệu, lâm thổ sản, đặc biệt là ở các vườn quốc gia... Nên thuận lợi cho bảo tồn hệ sinh thái, bảo vệ môi trường, bảo vệ đất, khai thác gỗ...
- Đất trồng và đồng cỏ: Thuận lợi cho hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp (Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Trung du miền núi Bắc Bộ...), vùng đồng cỏ thuận lợi cho chăn nuôi đại gia súc. Vùng cao còn có thể nuôi trồng các loài động thực vật cận nhiệt và ôn đới.
- Du lịch: điều kiện địa hình, khí hậu, rừng, môi trường sinh thái... thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, tham quan...

b) Khó khăn: xói mòn đất, đất bị hoang hoá, địa hình hiểm trở đi lại khó khăn, nhiều thiên tai: lũ quét, mưa đá, sương muối... Khó khăn cho sinh hoạt và sản xuất của dân cư, đầu tư tốn kém, chi phí lớn cho phòng và khắc phục thiên tai.

4) Hãy nêu những đặc điểm khác nhau về địa hình giữa 2 vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc.

Đặc điểm	Tây Bắc	Đông Bắc
Phạm vi	- Nằm giữa sông Hồng và sông Cả.	- Nằm ở tả ngạn sông Hồng.
Đặc điểm chung	- Núi cao chiếm ưu thế. Cao nhất nước. - Núi có hướng Tây Bắc- Đông Nam.	- Đông Bắc đồi núi thấp chiếm ưu thế. - Núi có hướng vòng cung, quy tụ ở núi Tam Đảo.
Các dạng địa hình chính	- Phía đông : dãy Hoàng Liên Sơn. - Phía tây: dãy Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao - Ở giữa: núi thấp xen lẫn cao nguyên, sơn nguyên đá vôi: Sơn La, Mộc Châu... - Sông ngòi: cũng có hướng tây bắc – đông nam như sông Đà, Mã, Chu.	- Có 4 cánh cung núi: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều. - Thấp dần từ TB xuống ĐN, núi cao ở thượng nguồn sông Chảy, Hà Giang, Cao Bằng ở trung tâm là vùng gò đồi. - Sông ngòi cũng có hướng vòng cung như sông Cầu, Thương, Lục Nam.

5) Địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc và vùng núi Trường Sơn Nam khác nhau như thế nào?

Đặc điểm	Trường Sơn Bắc	Trường Sơn Nam
Phạm vi	- Phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã.	- Phía nam dãy Bạch Mã đến cực nam Trung Bộ .
Đặc điểm chung	- Gồm các dãy núi song song và so le theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. - Cao ở hai đầu, thấp ở giữa.	- Trường Sơn Nam có hướng vòng cung: gồm khối núi cao Kon Tum và cực Nam Trung Bộ. - Sườn tây thoải, sườn đông dốc đứng đổ xuống biển.

<p>Các dạng địa hình chính</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phía bắc là vùng núi Tây Nghệ An. - Phía nam là vùng núi tây Thừa Thiên-Huế. - Ở giữa là vùng núi đá vôi Quảng Bình. - Dãy Bạch Mã đâm ngang ra biển. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phía đông Trường Sơn Nam là khối núi cao. - Phía tây là các cao nguyên ba dan PlâyKu, Đăk Lăk, Mơ Nông, Di Linh. và các bán bình nguyên xen đồi. - Sự không đối xứng giữa hai sườn phía đông và phía tây thể hiện rõ hơn so với Trường Sơn Bắc.
--------------------------------	--	---

6) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, trình bày đặc điểm của vùng núi Trường Sơn Bắc. Vùng núi này có ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu của vùng đồng bằng duyên hải miền Trung?

a. Đặc điểm của vùng núi Trường Sơn Bắc

+ Chạy dài từ nam sông Cả đến dãy Bạch Mã. Gồm các dãy núi chạy song song, so le nhau, theo hướng tây bắc - đông nam.

+ Phía bắc là vùng núi Tây Nghệ An. Phía nam là vùng núi tây Thừa Thiên-Huế. Ở giữa là vùng núi đá vôi Quảng Bình.

+ Dãy Bạch Mã đâm ngang ra biển chắn khối không khí lạnh từ phương Bắc tràn xuống phía nam.

b. Ảnh hưởng của dãy Trường sơn Bắc

+ Dãy Trường Sơn Bắc đã ngăn gió mùa Tây Nam, làm cho đồng bằng duyên hải Bắc Trung Bộ khô nóng vào mùa hạ.

+ Dãy Bạch Mã ngăn cản khối khí lạnh vào mùa đông tràn xuống phía nam, làm cho phía bắc và nam của dãy Bạch Mã có chế độ khí hậu khác nhau.

+ Dãy Trường sơn Bắc chắn gió làm cho đồng bằng duyên hải miền Trung mưa vào mùa thu, mùa đông.

7) Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long có những điểm gì giống và khác nhau về điều kiện hình thành, đặc điểm địa hình và đất?

a) Giống nhau:

- Đều là các đồng bằng châu thổ rộng lớn, hình thành trên các vùng sụt lún của các sông.

- Địa hình bằng phẳng, đất phù sa màu mỡ.

- Bờ biển khá bằng phẳng, thềm lục địa mở rộng.

b) Khác nhau:

Đặc điểm	Đồng bằng sông Hồng	Đồng bằng sông Cửu Long
Diện tích	+ Gần 1,5 triệu ha (15.000 km ² .)	+ Gần 4 triệu ha (40.000 km ² .)
Điều kiện hình thành	+ Do phù sa của hệ thống sông Hồng và Thái Bình bồi đắp.	+ Do phù sa được bồi tụ của sông Tiền và sông Hậu.
Đặc điểm	+ Được khai phá từ lâu và có đê ngăn lũ nên	+ Không có đê ngăn lũ, kênh rạch chằng

tự nhiên	vùng đất trong đê phù sa không bồi được hàng năm đã bị bạc màu và tạo thành các ô trũng ngập nước, vùng ngoài đê được bồi phù sa hằng năm. + Ít chịu tác động của thủy triều. + Có lịch sử khai thác lâu đời hơn cách nay hàng nghìn năm.	chít , cho nên được phù sa bồi đắp hằng năm, diện tích đất bị ngập trong mùa lũ tương đối lớn đó là Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên. + Chịu tác động mạnh của thủy triều. + Mới khai thác cách nay khoảng 300 năm.
----------	---	---

8) Nêu đặc điểm của dải đồng bằng ven biển Miền Trung.

- Diện tích: 15.000 km².
- Đồng bằng do phù sa sông biển bồi đắp
- Địa hình: hẹp ngang và bị chia cắt thành từng ô nhỏ, chỉ có đồng bằng Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Nam, Phú Yên tương đối rộng.
- Phần giáp biển có cồn cát và đầm phá, tiếp theo là đất thấp trũng, trong cùng đã bồi tụ thành đồng bằng. Đất ít phù sa, có nhiều cát.

9) Hãy nêu thế mạnh và hạn chế của khu vực đồng bằng.

a) *Thế mạnh:*

- Là nơi có đất phù sa màu mỡ nên thuận lợi cho phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới đa dạng, với nhiều loại nông sản có giá trị xuất khẩu cao.
- Cung cấp các nguồn lợi thiên nhiên khác như: thủy sản, khoáng sản, lâm sản.
- Thuận lợi cho phát triển nơi cư trú của dân cư, phát triển các thành phố, khu công nghiệp...
- Phát triển GTVT đường bộ, đường sông.

b) *Hạn chế:* bão, lũ lụt, hạn hán ... thường xảy ra, gây thiệt hại lớn về người và tài sản.

- ĐBSH vùng trong đê phù sa không được bồi đắp dẫn đến đất bạc màu và tạo thành các ô trũng ngập nước. ĐBSCL do địa hình thấp nên thường ngập lụt, chịu tác động mạnh mẽ của sóng biển và thủy triều, dẫn tới diện tích đất ngập mặn, nhiễm phèn lớn. Đồng bằng ven biển miền Trung thì quá nhỏ hẹp, bị chia cắt, nghèo dinh dưỡng.

===== o0o =====

ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TỰ NHIÊN VIỆT NAM (Tiết 2)

BÀI 8 : THIÊN NHIÊN CHỊU ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC CỦA BIỂN

1) Biển Đông có những đặc điểm gì ?

- Biển Đông là một vùng biển rộng và lớn trên thế giới, có diện tích 3,477 triệu km².
- Là biển tương đối kín, tạo nên tính chất khép kín của dòng hải lưu với hướng chảy chịu ảnh hưởng của gió mùa.
- Biển Đông trải dài từ xích đạo đến chí tuyến Bắc, nằm trong vùng nội chí tuyến nên là một vùng biển có đặc tính nóng ẩm và chịu ảnh hưởng của gió mùa.

- Biển Đông giàu khoáng sản và hải sản. Thành phần sinh vật cũng tiêu biểu cho vùng nhiệt đới, số lượng loài rất phong phú.

2) Những biểu hiện về tính chất nhiệt đới gió mùa ở Biển Đông.

Tính chất nhiệt đới gió mùa được thể hiện rõ qua các yếu tố thủy văn như nhiệt độ, độ mặn nước biển, sóng, thủy triều hải lưu:

- Nhiệt độ nước Biển Đông cao, TB năm trên 23°C và biến động theo mùa, rõ rệt nhất ở vùng ven biển phía bắc.

- Độ muối TB khoảng 20- \rightarrow 33 ‰, tăng giảm theo mùa mưa và mùa khô.

- Sóng trên Biển Đông mạnh vào thời kỳ gió mùa Đông Bắc và ảnh hưởng mạnh nhất đến vùng biển Trung Bộ.

- Trong năm, thủy triều cũng biến động theo 2 mùa lũ và cạn. Thủy triều lên cao nhất và lặn sâu nhất ở ĐB sông Cửu Long và ĐB sông Hồng.

- Hình dạng tương đối kín của vùng biển tạo nên tính chất khép kín của dòng hải lưu với hướng dòng chảy chịu ảnh hưởng của gió mùa.

3) Biển Đông có ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu nước ta ?

- Biển Đông rộng và chứa một lượng nước lớn là nguồn dự trữ ẩm dồi dào làm cho độ ẩm tương đối trên 80%.

- Các luồng gió hướng đông nam từ biển thổi vào làm giảm tính lục địa ở các vùng cực tây đất nước.

- Biển Đông làm biến tính các khối khí đi qua biển vào nước ta, làm giảm tính chất khắc nghiệt của thời tiết lạnh khô vào mùa đông; làm dịu bớt thời tiết nóng bức vào mùa hè.

- Nhờ có Biển Đông nên khí hậu nước ta mang tính hải dương điều hoà, lượng mưa nhiều.

4) Biển Đông có ảnh hưởng gì đến địa hình và hệ sinh thái ven biển nước ta ?

- Tạo nên địa hình ven biển rất đa dạng, đặc trưng địa hình vùng biển nhiệt đới ẩm với tác động của quá trình xâm thực-bồi tụ diễn ra mạnh mẽ.

- Phổ biến là các dạng địa hình: vịnh cửa sông, bờ biển mài mòn, các tam giác châu với bãi triều rộng lớn, các bãi cát phẳng, các đảo ven bờ và những rạn san hô...

- Biển Đông mang lại lượng mưa lớn cho nước ta, đó là điều kiện thuận lợi cho rừng phát triển xanh tốt quanh năm.

- Các hệ sinh thái vùng ven biển rất đa dạng và giàu có: hệ sinh thái rừng ngập mặn có diện tích 450.000 ha, lớn thứ 2 trên thế giới. Ngoài ra còn có hệ sinh thái trên đất phèn, hệ sinh thái rừng trên đảo...

5) Hãy trình bày các nguồn tài nguyên thiên nhiên của Biển Đông.

- Tài nguyên khoáng sản: dầu mỏ, khí đốt với trữ lượng lớn ở bể Nam Côn Sơn và Cửu Long, Thổ Chu-Mã Lai, sông Hồng.

- Ngoài ra còn có các bãi cát ven biển, quặng titan là nguyên liệu quý cho công nghiệp.

- Vùng ven biển có trữ lượng muối biển lớn, tập trung ở Nam Trung Bộ.
- Tài nguyên hải sản phong phú: các loại thủy hải sản nước mặn, nước lợ vô cùng đa dạng (2.000 loài cá, hơn 100 loài tôm...), các rạn san hô ở quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

6) Biển Đông đã gây ra những khó khăn gì cho nước ta ? Chiến lược khai thác tổng hợp kinh tế biển.

- Hàng năm có 9-10 cơn bão xuất hiện ở Biển Đông, trong đó có từ 5-6 cơn bão đổ trực tiếp vào nước ta. Ngoài ra còn có sóng lừng, lũ lụt gây hậu quả nặng nề cho vùng đồng bằng ven biển, nhất là ở Trung Bộ.

- Sạt lở bờ biển.

- Hiện tượng cát bay lấn chiếm đồng ruộng ở ven biển miền Trung...

* Chiến lược khai thác tổng hợp kinh tế biển: cần có biện pháp sử dụng hợp lý, phòng chống ô nhiễm môi trường biển và phòng chống thiên tai. Phát triển tổng hợp kinh tế biển gồm các ngành: khai thác khoáng sản biển, khai thác và nuôi trồng thủy hải sản, giao thông vận tải biển, du lịch biển.

===== o0o =====

ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TỰ NHIÊN VIỆT NAM (Tiết 3)

BÀI 9 + 10: THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA

1) Tính chất nhiệt đới, ẩm của khí hậu nước ta được biểu hiện như thế nào ? Giải thích nguyên nhân ?

a) *Tính chất nhiệt đới:*

- Nằm trong vùng nội chí tuyến, nên tổng bức xạ lớn, cân cân bức xạ dương quanh năm.
- Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C (trừ vùng núi cao)
- Tổng số giờ nắng từ 1400 – 3000 giờ/năm.

b) *Lượng mưa, độ ẩm lớn:*

- Lượng mưa trung bình năm cao: 1500–2000 mm. Mưa phân bố không đều, sườn đón gió 3500–4000 mm.

- Độ ẩm không khí cao trên 80%, cân bằng ẩm luôn luôn dương.

* *Nguyên nhân:*

- Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến, góc nhập xạ lớn và mọi nơi trong năm đều có 2 lần Mặt Trời lên thiên đỉnh.

- Các khối khí di chuyển qua biển đã mang lại cho nước ta lượng mưa lớn.

2) Dựa vào bảng số liệu sau : Nhiệt độ trung bình tại một số địa điểm.

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng I (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng VII (°C)	Nhiệt độ trung bình năm (°C)
Lạng Sơn	13,3	27,0	21,2
Hà Nội	16,4	28,9	23,5
Vinh	17,6	29,6	23,9
Huế	19,7	29,4	25,1
Quy Nhơn	23,0	29,7	26,8
Tp. Hồ Chí Minh	25,8	27,1	26,9

Hãy nhận xét về sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam. Giải thích nguyên nhân.

a) Nhận xét:

- Nhiệt độ trung bình tháng 1: càng vào Nam nhiệt độ càng tăng và sự chênh lệch nhiệt độ khá lớn (Lạng Sơn và TP Hồ Chí Minh chênh lệch nhiệt độ là 12,5 °C)
- Nhiệt độ trung bình tháng 7: cũng có sự thay đổi từ Bắc vào Nam. Nhiệt độ trung bình của Vinh cao hơn Huế và của Quy Nhơn cao hơn TP Hồ Chí Minh. Sự chênh lệch nhiệt độ từ Bắc vào Nam là rất ít (Lạng Sơn và TP Hồ Chí Minh chênh lệch nhiệt độ là 0,1 °C)
- Nhiệt độ TB năm cũng có sự thay đổi, càng vào Nam càng tăng.
- Biên độ nhiệt lại giảm dần từ Bắc vào Nam (Ở Lạng Sơn là 13,7 °C, nhưng TP Hồ Chí Minh chỉ là 1,3 °C)

b) Giải thích:

- Miền Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra) mùa đông chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, nên các địa điểm có nhiệt độ trung bình tháng I thấp hơn các địa điểm ở miền Nam, tháng VII miền Bắc không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, nên các địa điểm trên cả nước có nhiệt độ trung bình tương đương nhau.
- Miền Nam (từ dãy Bạch Mã trở vào) không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, mặt khác lại nằm ở vĩ độ thấp hơn, có góc nhập xạ lớn, nhận được nhiều nhiệt hơn nên các địa điểm ở miền Nam có nhiệt độ trung bình tháng I và cả năm cao hơn các địa điểm miền Bắc.

3) Dựa vào bảng số liệu sau :Lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm

Địa điểm	Lượng mưa	Khả năng bốc hơi	Cân bằng ẩm
Hà Nội	1.676 mm	989 mm	+ 687 mm
Huế	2.868 mm	1.000 mm	+ 1.868 mm
Tp Hồ Chí Minh	1.931 mm	1.686 mm	+ 245 mm

Hãy so sánh nhận xét về lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của ba địa điểm trên. Giải thích.

a) Nhận xét:

- Lượng mưa có sự thay đổi từ Bắc vào Nam: Huế có lượng mưa cao nhất, sau đến TP.HCM và thấp nhất là Hà Nội.
- Lượng bốc hơi: càng vào phía Nam càng tăng mạnh.
- Cân bằng ẩm có sự thay đổi từ Bắc vào Nam: cao nhất ở Huế, tiếp đến Hà Nội và thấp nhất là TP.HCM.

b) Giải thích:

- Huế có lượng mưa cao nhất, chủ yếu mưa vào mùa thu đông do:
 - + Dãy Bạch Mã chắn các luồng gió thổi theo hướng Đông Bắc và bão từ Biển Đông thổi vào.
 - + Hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới.
 - + Lượng cân bằng ẩm cao nhất do lượng mưa nhiều, lượng bốc hơi nhỏ.
- Tp.HCM có lượng mưa khá cao do:
 - + Chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa Tây Nam từ biển thổi vào mang theo lượng mưa lớn.
 - + Hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới.
 - + Do nhiệt độ cao, đặc biệt mùa khô kéo dài nên bốc hơi mạnh và thế cân bằng ẩm thấp nhất.
- Hà Nội: lượng mưa ít do có mùa đông lạnh, ít mưa. Lượng bốc hơi thấp nên cân bằng ẩm cao hơn Tp.HCM.

4) Hãy trình bày hoạt động của gió mùa ở nước ta và hệ quả của nó đối với sự phân chia mùa khác nhau giữa các khu vực.

a) *Gió mùa mùa đông: (gió mùa Đông Bắc)*

- Từ tháng XI đến tháng IV
- Nguồn gốc: Khối khí lạnh xuất phát từ trung tâm áp cao Xibia di chuyển qua lục địa vào nước ta.
- Hướng gió: Đông Bắc.
- Phạm vi: Miền Bắc (dãy Bạch Mã trở ra)
- Đặc điểm: + Nửa đầu mùa đông: lạnh, khô. + Nửa sau mùa đông: lạnh, ẩm, có mưa phùn.

** Riêng từ Đà Nẵng trở vào, gió tín phong Bắc Bán Cầu thổi theo hướng Đông Bắc gây mưa cùng ven biển miền Trung, còn Nam Bộ và Tây Nguyên là mùa khô.*

b) *Gió mùa mùa hạ: (gió mùa Tây Nam)*

- Từ tháng V đến tháng X
- Nguồn gốc: Xuất phát từ trung tâm áp thấp Ấn Độ - Mianma hút gió từ Bắc Ấn Độ Dương qua vịnh Bengan vào nước ta (khối khí nhiệt đới Bengan – TBg)
- Hướng gió: Tây Nam.

+ Đầu mùa hạ: khối khí từ Bắc Ấn Độ Dương thổi vào gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên, riêng ven biển Trung Bộ và phần nam của Tây Bắc có hoạt động của gió Lào khô, nóng.

+ Giữa và cuối mùa hạ: gió tín phong từ Nam Bán Cầu di chuyển và đổi hướng thành gió Tây Nam, gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên. Cùng với dải hội tụ nhiệt đới gây mưa cho cả 2 miền Nam, Bắc và mưa vào tháng IX cho Trung Bộ.

** Riêng Miền Bắc gió này tạo nên gió mùa Đông Nam thổi vào (do ảnh hưởng áp thấp Bắc Bộ).*

c) *Sự phân chia mùa khí hậu giữa các khu vực:*

- Miền Bắc có mùa đông lạnh, ít mưa; mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều.
- Miền Nam có 2 mùa rõ rệt: mùa khô và mùa mưa.
- Tây Nguyên và đồng bằng ven biển Trung Trung Bộ có sự đối lập về 2 mùa mưa, khô.

5) Vì sao nước ta có khí hậu nhiệt đới, ẩm, gió mùa ?

- Do vị trí địa lý: nước ta nằm hoàn toàn trong vòng đai nhiệt đới nội chí tuyến Bắc Bán Cầu, nên khí hậu có tính chất nhiệt đới với nền nhiệt độ cao, nắng nhiều, ánh sáng mạnh.

- Do nằm gần trung tâm gió mùa châu Á, trong khu vực chịu ảnh hưởng gió Mậu dịch và gió mùa châu Á, nên khí hậu mang tính chất gió mùa rõ rệt.

6) Hãy nêu biểu hiện của nhiệt đới ẩm gió mùa qua các thành phần địa hình, sông ngòi ở nước ta ?

a) *Địa hình:*

* *Xâm thực mạnh ở vùng đồi núi*

- Trên sườn dốc mất lớp phủ thực vật, bề mặt địa hình bị cắt xẻ, nhiều nơi đất trơ sỏi đá.
- Địa hình ở vùng núi đá vôi có nhiều hang động, thung khô.

- Các vùng thềm phù sa cổ bị bào mòn tạo thành đất xám bạc màu.
- Hiện tượng đất trượt, đá lở xảy ra khi mưa lớn.
- * Bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu sông: ĐBSH và ĐBSCL hàng năm lấn ra biển vài chục đến hàng trăm mét.

b) Sông ngòi:

- Mạng lưới sông ngòi dày đặc. Con sông có chiều dài hơn 10 km, nước ta có 2.360 con sông. Trung bình cứ 20 km đường bờ biển gặp một cửa sông.
- Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa. Tổng lượng nước là 839 tỷ m³/năm. Tổng lượng phù sa hàng năm khoảng 200 triệu tấn.
- Chế độ nước theo mùa. Mùa lũ tương ứng với mùa mưa, mùa cạn tương ứng mùa khô. Chế độ mưa thất thường cũng làm cho chế độ dòng chảy của sông ngòi cũng thất thường.

7) Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện ở thành phần đất, sinh vật và cảnh quan thiên nhiên như thế nào ?

a) Đất đai:

- Quá trình Feralit là quá trình hình thành đất chủ yếu ở nước ta. Trong điều kiện nhiệt ẩm cao, quá trình phong hóa diễn ra với cường độ mạnh tạo nên lớp đất dày. Mưa nhiều rửa trôi các chất ba-zơ dễ tan làm đất chua, đồng thời có sự tích tụ ô-xít sắt (Fe₂O₃) và ô-xít nhôm (Al₂O₃) tạo ra màu đỏ vàng. Loại đất này gọi là đất feralit đỏ vàng.

b) Sinh vật:

- Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh là cảnh quan chủ yếu ở nước ta -> Các loài nhiệt đới chiếm ưu thế. Thực vật phổ biến là các loài thuộc các họ cây nhiệt đới như: họ Đậu, Dầu tằm, Dầu... Động vật trong rừng là các loài chim, thú nhiệt đới...
- Có sự xuất hiện các thành phần cận nhiệt đới và ôn đới núi cao.

8) Hãy nêu ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến hoạt động sản xuất và đời sống.

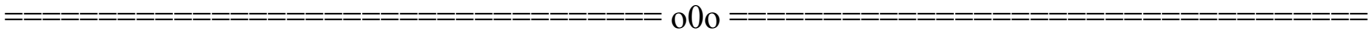
a) Ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp:

- * Thuận lợi: nền nhiệt ẩm cao thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp lúa nước, trồng vụ, đa dạng hoá cây trồng, vật nuôi, phát triển mô hình nông - lâm kết hợp, nâng cao năng suất cây trồng.
- * Khó khăn: lũ lụt, hạn hán, dịch bệnh, khí hậu thời tiết không ổn định, mùa khô thiếu nước, mùa mưa thừa nước...

b) Ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất khác và đời sống:

- * Thuận lợi để phát triển các ngành lâm nghiệp, thủy sản, GTVT, du lịch... đẩy mạnh các hoạt động khai thác, xây dựng... vào mùa khô.
- * Khó khăn:
 - + Các hoạt động GTVT, du lịch, công nghiệp khai thác... chịu ảnh hưởng trực tiếp của sự phân mùa khí hậu, chế độ nước sông.

- + Độ ẩm cao gây khó khăn cho quản lý máy móc, thiết bị, nông sản.
- + Các thiên tai như: mưa bão, lũ lụt hạn hán và diễn biến bất thường như đông, lốc, mưa đá, sương muối, rét hại, khô nóng... gây ảnh hưởng lớn đến đời sống và sản xuất.
- + Môi trường thiên nhiên dễ bị suy thoái.



ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TỰ NHIÊN VIỆT NAM (Tiết 4)

BÀI 11 + 12: THIÊN NHIÊN PHÂN HÓA ĐA DẠNG

1) Qua bảng số liệu, biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội và Tp Hồ Chí Minh, nhận xét và so sánh chế độ nhiệt, chế độ mưa của 2 địa điểm trên.

Địa điểm	t° TB năm (°C)	t° TB tháng lạnh (°C)	t° TB tháng nóng (°C)	Biên độ t° TB năm	Biên độ t° tuyệt đối
Hà Nội Vĩ độ 21°01'B	23,5	16,4 (tháng 1)	28,9 (tháng 7)	12,5	40,1
Huế 16°24'B	25,1	19,7 (tháng 1)	29,4 (tháng 7)	9,7	32,5
Tp. Hồ Chí Minh Vĩ độ 10°47'B	27,1	25,8 (tháng 12)	28,9 (tháng 4)	3,1	26,2

a) Nhận xét:

- Nhiệt độ trung bình năm: nhỏ nhất là Hà Nội, sau đến Huế và cao nhất là Tp.HCM.
- Nhiệt độ trung bình tháng lạnh: Hà Nội và Huế có nhiệt độ dưới 20° C; Tp.HCM trên 25° C.
- Nhiệt độ trung bình tháng nóng: Hà Nội và Tp.HCM có nhiệt độ tương đương nhau, riêng Huế cao hơn 0,5° C.
- Biên độ nhiệt trung bình năm: cao nhất Hà Nội, sau đến Huế và thấp nhất là Tp.HCM.
- Biên độ nhiệt độ tuyệt đối: cao nhất Hà Nội, sau đến Huế và thấp nhất là Tp.HCM.

b) Kết luận:

- Nhiệt độ trung bình năm và nhiệt độ trung bình tháng lạnh tăng dần từ Bắc vào Nam.
- Biên độ nhiệt trung bình năm và biên độ nhiệt độ tuyệt đối lại giảm dần từ Bắc vào Nam.

c) Nguyên nhân:

- Miền Nam nằm ở vĩ độ thấp hơn, nên có góc nhập xạ lớn, nhận được nhiều nhiệt hơn.
- Miền Bắc về mùa đông do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, nên nhiệt độ hạ thấp nhiều so với miền Nam.

2) Nêu đặc điểm thiên nhiên nổi bật của phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam nước ta.

a) Phần lãnh thổ phía Bắc: (từ dãy núi Bạch Mã trở ra)

- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.

- Nhiệt độ trung bình: 20°C - 25°C. Biên độ nhiệt trung bình năm lớn (10°C - 12°C). Số tháng lạnh dưới 18°C có 2-3 tháng.
- Sự phân hoá theo mùa: mùa đông-mùa hạ.
- Cảnh quan: Đới rừng nhiệt đới gió mùa. Các loài nhiệt đới chiếm ưu thế; ngoài ra còn có các cây cận nhiệt đới, ôn đới, các loài thú có lông dày.

b) Phần lãnh thổ phía Nam: (từ dãy núi Bạch Mã trở vào)

- Khí hậu cận xích đạo gió mùa, nóng quanh năm.
- Nhiệt độ trung bình: trên 25°C. Biên độ nhiệt trung bình năm thấp (3°C - 4°C). Không có tháng nào dưới 20°C.
- Sự phân hoá theo mùa: mùa mưa-mùa khô.
- Cảnh quan: đới rừng cận xích đạo gió mùa. Các loài động vật và thực vật thuộc vùng xích đạo và nhiệt đới với nhiều loài như voi, hổ, báo, bò rừng... Vùng đầm lầy có trăn, rắn, cá sấu ...

3) Nêu khái quát sự phân hóa thiên nhiên theo hướng Đông – Tây. Dẫn chứng về mối liên hệ chặt chẽ giữa đặc điểm thiên nhiên vùng thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi kề bên.

a) Vùng biển và thềm lục địa:

- Vùng biển và thềm lục địa có quan hệ chặt chẽ với vùng đồng bằng, vùng đồi núi kề bên và có sự thay đổi theo từng đoạn bờ biển.
- Thềm lục địa phía bắc và phía nam có đáy nông, mở rộng, nhiều đảo ven bờ, là nơi tiến dần ra biển của đồng bằng châu thổ Bắc Bộ và Nam Bộ.
- Đường bờ biển Nam Trung Bộ khúc khuỷu, thềm lục địa thu hẹp.

b) Vùng đồng bằng ven biển: thiên nhiên thay đổi theo từng vùng:

- Đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ mở rộng với các bãi triều thấp phẳng, thiên nhiên trù phú.
- Dải đồng bằng ven biển Trung bộ hẹp ngang, bị chia cắt, bờ biển khúc khuỷu, các cồn cát, đầm phá phổ biến thiên nhiên khắc nghiệt, đất đai kém màu mỡ, nhưng giàu tiềm năng du lịch và kinh tế biển.

c) Vùng đồi núi: thiên nhiên rất phức tạp (do tác động của gió mùa và hướng của các dãy núi).

- Thể hiện sự phân hoá thiên nhiên từ Đông-Tây Bắc Bộ và Đông Trường Sơn và Tây Nguyên.
- Trong khi thiên nhiên vùng núi Đông Bắc mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa thì những vùng núi thấp ở phía nam Tây Bắc thiên nhiên lại mang sắc thái nhiệt đới ẩm gió mùa và vùng núi cao Tây Bắc cảnh quan thiên nhiên giống như vùng ôn đới.
 - Trong khi sườn Đông Trường Sơn (Duyên hải Nam Trung Bộ) là mùa mưa, thì sườn Tây Trường Sơn (Tây Nguyên) lại là mùa khô, nhiều nơi khô hạn gay gắt, xuất hiện cảnh quan rừng thưa. Ngược lại khi Tây Nguyên là mùa mưa, thì Duyên hải Nam Trung Bộ là mùa khô.

Vì vậy, Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ thời tiết và khí hậu trái ngược nhau.

* Ví dụ: - Ở vùng núi thấp Đông Bắc mùa đông lạnh và đến sớm

- Ở vùng núi thấp phía nam Tây Bắc, mùa đông bớt lạnh nhưng khô hơn; mùa hạ đến sớm và đôi khi có gió Tây nên lượng mưa giảm mạnh.

4) Điền nội dung Thiên nhiên phân hoá theo đai cao vào bảng sau:

Tên đai cao	Độ cao	Đặc điểm khí hậu	Các hệ sinh thái chính
<i>Đai nhiệt đới gió mùa chân núi</i>	- Miền Bắc: dưới 600-700m. - Miền Nam: dưới 900-1000m.	- KH nhiệt đới biểu hiện rõ rệt, mùa hạ nóng (nhiệt độ TB tháng trên 25 °C) - Độ ẩm thay đổi tùy nơi từ khô, hơi khô, hơi ẩm đến ẩm ướt.	- Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh. - Các hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa.
<i>Đai nhiệt đới gió mùa trên núi</i>	- Miền Bắc: từ 600-700m lên đến 2600m. - Miền Nam: từ 900-1000m lên đến 2600m.	- KH mát mẻ, không có tháng nào nhiệt độ trên 25 °C. - Tổng nhiệt độ TB năm trên 4500 °C. Mưa nhiều hơn, độ ẩm tăng.	- Hệ sinh thái rừng cận nhiệt đới lá rộng và lá kim phát triển trên đất feralit có mùn.
<i>Đai ôn đới gió mùa trên núi</i>	- Từ 2600m trở lên.	- KH có tính chất ôn đới. quanh năm rét dưới 15 °C , mùa đông xuống dưới 5 °C. - Tổng nhiệt độ TB năm dưới 4500 °C	- Hệ sinh thái cận nhiệt và ôn đới.

5) Trình bày đặc điểm tự nhiên cơ bản của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ. Những thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên trong việc phát triển kinh tế của miền.

- Phạm vi: Tả ngạn sông Hồng, gồm vùng núi Đông Bắc và đồng bằng Bắc Bộ.

- Địa hình: hướng vòng cung (4 cánh cung), với hướng nghiêng chung là Tây Bắc-Đông Nam.

+ Đồi núi thấp (độ cao trung bình khoảng 600m).

+ Nhiều địa hình đá vôi (cacxtơ).

+ Đồng bằng Bắc Bộ mở rộng. Bờ biển phẳng, nhiều vịnh, đảo, quần đảo.

- Khí hậu: mùa hạ nóng, mưa nhiều; mùa đông lạnh, ít mưa với sự xâm nhập mạnh của gió mùa Đông Bắc. Khí hậu, thời tiết có nhiều biến động. Có bão.

- Sông ngòi: mạng lưới sông ngòi dày đặc. Hướng Tây Bắc-Đông Nam và hướng vòng cung.

- Thổ nhưỡng, sinh vật: Đai nhiệt đới chân núi hạ thấp. Trong thành phần có thêm các loài cây cận nhiệt (dẻ, re) và động vật Hoa Nam.

- Khoáng sản: giàu khoáng sản: than, sắt, thiếc, vonfram, vật liệu xây dựng, chì-bạc-kẽm, bể dầu khí s.Hồng...

* Thuận lợi: giàu tài nguyên khoáng sản, khí hậu có mùa đông lạnh có thể trồng rau quả cận nhiệt, ôn đới nhiều cảnh quan đẹp phát triển du lịch...

* Khó khăn: sự bất thường của thời tiết, nhất là vào mùa đông lạnh.

6) Trình bày đặc điểm tự nhiên cơ bản của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ. Những thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên trong việc phát triển kinh tế của miền.

- Phạm vi: hữu ngạn sông Hồng đến dãy Bạch Mã.

- Địa hình: địa hình núi trung bình và cao chiếm ưu thế, độ dốc lớn.

+ Hướng Tây Bắc-Đông Nam.

- + Đồng bằng thu nhỏ, chuyển tiếp từ đồng bằng châu thổ sang đồng bằng ven biển.
- + Nhiều cồn cát, bãi biển, đầm phá.
- *Khí hậu*: gió mùa Đông Bắc suy yếu và biến tính. Số tháng lạnh dưới 2 tháng (ở vùng thấp). Bắc Trung Bộ có gió phơn Tây Nam, bão mạnh, mùa mưa lùi vào tháng VIII, XII, I. Lũ tiêu mẫn tháng VI.
- *Sông ngòi*: hướng Tây Bắc-Đông Nam; ở Bắc Trung Bộ hướng Tây – Đông. Sông có độ dốc lớn, nhiều tiềm năng thủy điện.
- *Thổ nhưỡng, sinh vật*: có đủ hệ thống đai cao: đai nhiệt đới gió mùa, đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi có đất mùn khô, đai ôn đới trên 2600m. Rừng còn nhiều ở Nghệ An, Hà Tĩnh.
- *Khoáng sản*: có thiếc, sắt, apatit, crôm, titan, vật liệu xây dựng....
- * *Thuận lợi*: chăn nuôi đại gia súc, trồng cây công nghiệp, phát triển nông-lâm kết hợp trên các cao nguyên, nhiều đầm phá thuận lợi nuôi trồng thủy sản, sông ngòi có giá trị thủy điện.
- * *Khó khăn*: nhiều thiên tai như: bão, lũ, lở đất, hạn hán...

7) Trình bày đặc điểm tự nhiên cơ bản của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Những thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên trong việc phát triển kinh tế của miền.

- *Phạm vi*: từ dãy Bạch Mã trở vào Nam.
- *Địa hình*: khối núi cổ KonTum. Các núi, sơn nguyên, cao nguyên ở cực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Các dãy núi là hướng vòng cung. Sườn Đông thì dốc, sườn Tây thoải.
- + Đồng bằng ven biển thì thu hẹp, đồng bằng Nam Bộ thì mở rộng.
- + Đường bờ biển Nam Trung Bộ nhiều vũng vịnh.
- *Khí hậu*: cận xích đạo. Hai mùa mưa, khô rõ. Mùa mưa ở Nam Bộ và Tây Nguyên từ tháng V đến tháng X, XI; ở đồng bằng ven biển NTB từ tháng IX đến tháng XII, lũ có 2 cực đại vào tháng IX và tháng VI.
- *Sông ngòi*: có 3 hệ thống sông: các sông ven biển hướng Tây-Đông ngắn và dốc (trừ sông Ba). Ngoài ra còn có hệ thống sông Cửu Long và hệ thống sông Đồng Nai.
- *Thổ nhưỡng, sinh vật*: thực vật nhiệt đới, xích đạo chiếm ưu thế. Nhiều rừng, nhiều thú lớn. Rừng ngập mặn ven biển rất đặc trưng.
- *Khoáng sản*: dầu khí có trữ lượng lớn ở thềm lục địa. Tây Nguyên giàu bôxít.
- * *Thuận lợi*: đất đai, khí hậu thuận lợi cho sản xuất nông-lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản, tài nguyên rừng phong phú, tài nguyên biển đa dạng và có giá trị kinh tế.
- * *Khó khăn*: xói mòn, rửa trôi đất ở vùng đồi núi, ngập lụt ở đồng bằng Nam bộ, thiếu nước vào mùa khô.

BÀI 14 : SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1) Nêu tình trạng suy giảm tài nguyên rừng và hiện trạng rừng nước ta. Ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng ?

a) *Tài nguyên rừng*:

- Rừng của nước ta đang được phục hồi.
- + Năm 1943: 14,3 triệu ha (70% diện tích là rừng giàu)
- + Năm 1983: diện tích rừng giảm còn 7,2 triệu ha, trung bình mỗi năm giảm 0,18 triệu ha.

- + Năm 2005: 12,7 triệu ha (chiếm 38%) -> hiện nay có xu hướng tăng trở lại.
- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2005 đạt 40% nhưng vẫn thấp hơn năm 1943 (43%).
- Chất lượng rừng bị giảm sút: năm 1943, 70% diện tích rừng là rừng giàu, đến năm 2005 thì 70% diện tích rừng là rừng nghèo và rừng mới phục hồi.

b) Các biện pháp bảo vệ:

- Đối với rừng phòng hộ: có kế hoạch, biện pháp bảo vệ, nuôi dưỡng rừng hiện có, trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc.
- Đối với rừng đặc dụng: bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh học của các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên.
- Đối với rừng sản xuất: Phát triển diện tích và chất lượng rừng, độ phì và chất lượng đất rừng.
- Nhà nước có chính sách giao đất giao rừng cho người dân và thực hiện chiến lược trồng 5 triệu ha rừng đến năm 2010.

c) Ý nghĩa của việc bảo vệ rừng.

- Về kinh tế: cung cấp gỗ, dược phẩm, phát triển du lịch sinh thái....
- Về môi trường: chống xói mòn đất, hạn chế lũ lụt, điều hoà khí hậu.....

2) Nêu biểu hiện và nguyên nhân của sự suy giảm đa dạng sinh học ở nước ta. Các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ?

a) Suy giảm đa dạng sinh học

- Giới sinh vật nước ta có tính đa dạng sinh vật cao.
- Số lượng loài thực vật và động vật đang bị suy giảm nghiêm trọng.
 - + Thực vật giảm 500 loài trên tổng số 14.500 loài đã biết, trong đó có 100 loài có nguy cơ tuyệt chủng.
 - + Thú giảm 96 loài trên tổng số 300 loài đã biết, trong đó có 62 loài có nguy cơ tuyệt chủng.
 - + Chim giảm 57 loài trên tổng số 830 loài đã biết, trong đó có 29 loài có nguy cơ tuyệt chủng.

b) Nguyên nhân

- Khai thác quá mức làm thu hẹp diện tích rừng tự nhiên và làm nghèo tính đa dạng của sinh vật.
- Ô nhiễm môi trường đặc biệt là môi trường nước làm cho nguồn thủy sản bị giảm sút.

c) Biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học

- Xây dựng hệ thống vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên.
- Ban hành sách đỏ Việt Nam.
- Quy định khai thác về gỗ, động vật, thủy sản.

3) Trình bày hiện trạng sử dụng tài nguyên đất và tình trạng suy thoái tài nguyên đất ở nước ta. Các biện pháp bảo vệ đất ở vùng đồi núi và vùng đồng bằng.

a) Hiện trạng sử dụng đất

- Năm 2005, có 12,7 triệu ha đất có rừng và 9,4 triệu ha đất sử dụng trong nông nghiệp (chiếm hơn 28% tổng diện tích đất tự nhiên), 5,3 triệu ha đất chưa sử dụng.
- Bình quân đất nông nghiệp tính theo đầu người thấp (0,1 ha). Khả năng mở rộng đất nông nghiệp ở đồng bằng và miền núi là không nhiều.

b) Suy thoái tài nguyên đất

- Diện tích đất trồng đồi trọc đã giảm mạnh nhưng diện tích đất đai bị suy thoái vẫn còn rất lớn.
- Cả nước có khoảng 9,3 triệu ha đất bị đe dọa hoang mạc hoá (chiếm khoảng 28%).

c) Biện pháp bảo vệ tài nguyên đất

- Đối với đất vùng đồi núi:
 - + Áp dụng tổng thể các biện pháp thủy lợi, canh tác hợp lý: làm ruộng bậc thang, trồng cây theo băng.
 - + Cải tạo đất hoang đồi trọc bằng các biện pháp nông-lâm kết hợp. Bảo vệ rừng, đất rừng, ngăn chặn nạn du canh du cư.
- Đối với đất nông nghiệp (ĐB):
 - + Cần có biện pháp quản lý chặt chẽ và có kế hoạch mở rộng diện tích.
 - + Thâm canh nâng cao hiệu quả sử dụng đất, chống bạc màu.
 - + Bón phân cải tạo đất thích hợp, chống ô nhiễm đất, thoái hóa đất.

4) Nêu tình hình sử dụng và các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước ở nước ta.

a) Tình hình sử dụng:

- Chưa khai thác hết tiềm năng và hiệu quả sử dụng thấp. Nhiều nơi khai thác nước ngầm quá mức.
- Tình trạng thừa nước gây lũ lụt vào mùa mưa, thiếu nước gây hạn hán vào mùa khô.
- Mức độ ô nhiễm môi trường nước ngày càng tăng, thiếu nước ngọt.

b) Biện pháp bảo vệ:

- Xây các công trình thủy lợi để cấp nước, thoát nước...
- Trồng cây nâng độ che phủ, canh tác đúng kỹ thuật trên đất dốc.
- Quy hoạch và sử dụng nguồn nước có hiệu quả.
- Xử lý cơ sở sản xuất gây ô nhiễm.
- Giáo dục ý thức người dân bảo vệ môi trường.

5) Nêu tình hình sử dụng và các biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản ở nước ta.

a) Tình hình sử dụng:

- Nước ta có nhiều mỏ khoáng sản nhưng phần nhiều là mỏ nhỏ, phân tán nên khó khăn trong quản lý khai thác, gây lãng phí tài nguyên và ô nhiễm môi trường -> khai thác bừa bãi, không quy hoạch...

b) Biện pháp bảo vệ:

- Quản lý chặt chẽ việc khai thác. Tránh lãng phí tài nguyên và làm ô nhiễm môi trường từ khâu khai thác, vận chuyển tới chế biến khoáng sản.
- Xử lý các trường hợp khai thác không giấy phép, gây ô nhiễm.

6) Nêu tình hình sử dụng và các biện pháp bảo vệ tài nguyên du lịch ở nước ta.

a) Tình hình sử dụng:

- Tình trạng ô nhiễm môi trường xảy ra ở nhiều điểm du lịch khiến cảnh quan du lịch bị suy thoái.

b) Biện pháp bảo vệ:

- Cần bảo tồn, tôn tạo giá trị tài nguyên du lịch và bảo vệ môi trường du lịch khỏi bị ô nhiễm, phát triển du lịch sinh thái.

BÀI 15 : BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

1) Vấn đề chủ yếu về bảo vệ môi trường ở nước ta là gì ? Vì sao ?

- Tình trạng mất cân bằng sinh thái môi trường:

+ Sự mất cân bằng của các chu trình tuần hoàn vật chất gây nên sự gia tăng bão lụt, hạn hán...

Vi dụ: Phá rừng -> đất bị xói mòn, rửa trôi, hạ mực nước ngầm, tăng tốc độ dòng chảy, biến đổi khí hậu, sinh vật đe dọa bị tuyệt chủng...

- Tình trạng ô nhiễm môi trường:

+ Ô nhiễm nguồn nước: do nước thải công nghiệp và sinh hoạt đổ ra sông hồ chưa qua xử lý.

+ Ô nhiễm không khí: ở các điểm dân cư, khu công nghiệp do khí thải của các nhà máy công nghiệp, phương tiện giao thông đi lại...vượt quá mức tiêu chuẩn cho phép.

+ Ô nhiễm đất: do nước thải, rác thải sau phân huỷ đều ngấm xuống đất, do sản xuất nông nghiệp.

2) Hãy nêu thời gian hoạt động và hậu quả của bão ở Việt Nam và biện pháp phòng chống bão.

a) Hoạt động của bão ở Việt Nam:

- Thời gian hoạt động từ tháng 06, kết thúc tháng 11, đặc biệt là các tháng 9,10 và 8.

- Mùa bão chậm dần từ Bắc vào Nam.

- Bão hoạt động mạnh nhất ở ven biển Trung Bộ. Riêng Nam Bộ ít chịu ảnh hưởng của bão.

- Trung bình mỗi năm có 8 trận bão.

b) Hậu quả của bão:

- Mưa lớn trên diện rộng, gây ngập úng đồng ruộng, đường giao thông, thủy triều dâng cao làm ngập mặn vùng ven biển.

- Gió mạnh làm lật úp tàu thuyền, tàn phá nhà cửa...

- Ô nhiễm môi trường gây dịch bệnh.

c) *Biện pháp phòng chống bão:*

- Dự báo chính xác về quá trình hình thành và hướng di chuyển của cơn bão.
- Thông báo cho tàu thuyền trở về đất liền.
- Củng cố hệ thống đê kè ven biển.
- Sơ tán dân khi có bão mạnh.
- Chống lũ lụt ở đồng bằng, chống xói mòn lũ quét ở miền núi.

3) Nêu các vùng hay xảy ra ngập lụt ở nước ta. Vì sao? Cần làm gì để giảm nhẹ tác hại do ngập lụt.

* Vùng đồng bằng nước ta hay xảy ra ngập lụt.

- Đồng bằng sông Hồng ngập lụt nghiêm trọng là do diện mưa bão rộng, lũ tập trung trên các hệ thống sông lớn, mặt đất thấp, xung quanh có đê bao bọc, mức độ đô thị hóa cao cũng làm cho ngập lụt nghiêm trọng.
- Đồng bằng sông Cửu Long ngập lụt không chỉ do mưa lũ gây ra mà còn do triều cường.
- Ở Trung Bộ ngập lụt mạnh vào tháng 9, 10 là do mưa bão, nước biển dâng và lũ nguồn về.
- * Biện pháp giảm nhẹ tác hại: xây dựng đê điều, hệ thống thủy lợi...

4) Nêu các vùng hay xảy ra lũ quét ở nước ta. Cần làm gì để giảm nhẹ tác hại do lũ quét.

* Lũ quét thường xảy ra ở những lưu vực sông suối miền núi, nơi có địa hình chia cắt mạnh, độ dốc lớn, mất lớp phủ thực vật, bề mặt đất dễ bị bóc mòn khi có mưa lớn. Xảy ra vào tháng 06-10 ở miền Bắc và tháng 10-12 ở miền Trung.

* Biện pháp giảm nhẹ tác hại:

- Trồng rừng, quản lý và sử dụng đất đai hợp lý. - Canh tác hiệu quả trên đất dốc.
- Quy hoạch các điểm dân cư tránh các vùng lũ quét nguy hiểm.

5) Nêu các vùng hay xảy ra hạn hán ở nước ta. Cần làm gì để giảm nhẹ tác hại do hạn hán?

- Miền Bắc: tại các thung lũng khuất gió như: Yên Châu, sông Mã (Sơn La), Lục Ngạn (Bắc Giang), mùa khô kéo dài 3-4 tháng.
- Miền Nam: thời kỳ khô hạn kéo dài 4-5 tháng ở đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên.
- Vùng ven biển cực Nam Trung Bộ mùa khô kéo dài 6-7 tháng.
- * Biện pháp giảm nhẹ tác hại: xây dựng các công trình thủy lợi hợp lý...

6) Ở nước ta động đất hay xảy ra ở những vùng nào?

- Động đất thường xảy ra ở các đứt gãy sâu. Tây Bắc nước ta là khu vực có hoạt động động đất mạnh nhất, sau đến khu vực Đông Bắc. Khu vực Trung Bộ ít hơn, còn Nam Bộ biểu hiện rất yếu. Tại vùng biển, động đất tập trung ở ven biển Nam Trung Bộ.

7) Hãy nêu các nhiệm vụ chủ yếu của Chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Duy trì các hệ sinh thái, các quá trình sinh thái chủ yếu và các hệ thống sông có ý nghĩa quyết định đến đời sống con người.
- Đảm bảo sự giàu có của đất nước về vốn gen, các loài nuôi trồng, các loài hoang dại, có liên quan đến lợi ích lâu dài.

- Đảm bảo việc sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, điều khiển việc sử dụng trong giới hạn có thể phục hồi được.
- Đảm bảo chất lượng môi trường phù hợp với yêu cầu về đời sống con người.
- Phấn đấu đạt tới trạng thái ổn định dân số ở mức cân bằng với khả năng sử dụng hợp lý các tài nguyên thiên nhiên.
- Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, kiểm soát và cải thiện môi trường.

===== o0o =====